

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-ST
Ngày 27 tháng 4 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư.

Bà Nguyễn Thị Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ tên: H X H, Giới tính: Nam, Tên gọi khác: Không, Sinh năm 1971 tại: B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Tự do.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Long T, thị trấn T A, huyện YD, tỉnh B.

Con ông: H Xuân C, sinh năm: 1943; Con bà: Lương Thị T, sinh năm: 1957.

Gia đình có 04 anh chị em ruột, H là thứ nhất.

Vợ: Ngụy Thị Đ, sinh năm 1972.

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án, nhân thân: Không có.

Tiền sự: Ngày 22/6/2020, Chủ tịch UBND thị trấn T A, huyện YD, tỉnh B áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn, thời hạn 03 tháng.

Bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 27 tháng 12 năm 2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

(có mặt tại phiên tòa)

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguy Thị H, sinh năm 1993. (Vắng mặt tại phiên tòa)
- Anh Nguyễn T A, sinh năm 1990. (Vắng mặt tại phiên tòa)
- Bà Đào T N, sinh năm 1972. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Cùng địa chỉ: Phòng 7, tầng 3, dãy nhà I, khu tập thể Đồng C, P L, thành phố B, tỉnh B

- Chị Nguyễn V A, sinh năm 1992. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Phòng 405, nhà E1, tập thể Hồ V X, phố Tây K, quận Hai B T, thành phố HN.

***Người chứng kiến:**

- Ông Vũ Văn T, sinh năm 1947; Địa chỉ: Tổ dân phố Đồng C, P L, thành phố B, tỉnh B. (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Ông Đỗ Phúc Đ, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà 1, ngõ 15, đường Đồng C, tổ dân phố Đồng C, P L, thành phố B, tỉnh B.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 27/12/2020 tại sân nhà I khu tập thể Đồng C, P L, thành phố B, tổ công tác Công an P L, thành phố B kiểm tra bắt quả tang đối tượng H X H, sinh năm 1971, ở thôn Long T, thị trấn T A, huyện YD, tỉnh B có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: 1 gói giấy bạc có một mặt màu trắng bạc, một mặt màu trắng, bên trong đựng chất cục bột màu trắng nghi là ma túy heroine, phát hiện thu giữ tại túi áo khoác phía trong bên trái mà đối tượng H đang mặc khi bị bắt, được cho vào một phong bì thư dán kín niêm phong tại chỗ.

* Kết quả giám định số 1936 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

Trong một phong bì đã được niêm phong gửi giám định: Chất cục bột màu trắng đựng trong một gói giấy bạc có mặt ngoài màu trắng bạc, mặt trong màu trắng là ma túy, có khối lượng 0,159 gam loại Heroine.

Quá trình điều tra, H X H khai nhận: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 27/12/2020 H nảy sinh ý định mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Do trước đó H có nghe bạn

nghiện ngoài xã hội nói trong phòng trên tầng 3 dãy nhà I, khu tập thể Đồng C có người tên là N và H có bán ma túy, H đi bộ lên tầng 3 dãy nhà I, khu tập thể Đồng C, P L, thành phố B. H đi đến một cửa phòng ở trên tầng 3, dãy nhà I, tại đây H gọi “H ơi, để cho một ít”, H cầm 50.000 đồng và đặt vào ô lỗ cửa sắt được khóa trong một phòng trên tầng 3 thì trong nhà có người cầm tiền và đưa gói ma túy cho H qua ô lỗ cửa sắt, H không nhìn thấy mặt. Sau khi mua được ma túy, H cất giấu vào túi áo khoác trong bên trái H đang mặc sau đó đi bộ về. Khi H đi đến sân tập thể Đồng C dãy nhà I thì bị lực lượng Công an P L, thành phố B kiểm tra bắt quả tang H đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về nguồn gốc số ma túy, H khai mua của một người phụ nữ tại một phòng ở trên tầng 3, dãy nhà I, khu tập thể Đồng C, P L, thành phố B. Cơ quan CSĐT- Công an thành phố B đã xác minh, chụp ảnh và cho H nhận dạng qua ảnh các phòng tại tầng 3, dãy nhà I, khu tập thể Đồng C nơi H khai mua ma túy. Quá trình nhận dạng qua ảnh đã xác định H mua ma túy tại phòng 7, tầng 3, dãy nhà I, khu tập thể Đồng C, P L, thành phố B. Quá trình xác minh xác định: tại phòng 7, tầng 3, dãy nhà I, khu tập thể Đồng C, P L, thành phố B có Đào T N, sinh năm 1972 là chủ hộ. Nơi N sinh sống còn có Nguyễn T A, sinh năm 1990 là con đẻ của Nhung; Ngụy Thị H, sinh năm 1993 là con dâu của N và 02 con của Tuấn Anh và H là cháu Nguyễn Khánh T, sinh năm 2014; cháu Nguyễn Việt A, sinh năm 2016. Ngoài ra còn có Nguyễn V A, sinh năm 1992 là con đẻ của N đang sinh sống và làm việc tại HN thỉnh thoảng có về nhà. Ngày 30/12/2020 Cơ quan CSĐT- Công an thành phố B đã tiến hành khám xét khẩn cấp địa điểm tại phòng 7, tầng 3 dãy nhà I, khu tập thể Đồng C, P L, thành phố B nhưng không phát hiện thu giữ đồ vật tài sản gì có liên quan đến ma túy. Tiến hành làm việc, đấu tranh, ghi lời khai với tất cả những người trong phòng số 7 thì không ai thừa nhận đã bán ma túy cho H X H vào ngày 27/12/2020. Do bản thân H khi mua ma túy H không nhìn thấy mặt họ nên không có căn cứ để đối chất H với những người trên, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đủ căn cứ xác minh làm rõ người đã bán ma túy cho H để xử lý.

Vật chứng vụ án kèm theo gồm: 01 phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định, được nhập kho vật chứng để xử lý.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo H X H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H X H từ 13 tháng đến 16 tháng tù. Thời hạn tù

tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 27/12/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo H.

3. Về vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định,

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội: Buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản thu giữ, kết quả giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Hồi 13 giờ 30 phút ngày 27/12/2020 tại sân nhà I tập thể Đồng C P L, thành phố B, tổ công tác Công an P L, thành phố B bắt quả tang H X H, sinh năm 1971 ở thôn Long T, thị trấn T A, huyện YD, tỉnh B có hành vi tàng trữ trái phép 0,159 gam chất ma túy loại Heroine với mục đích để sử dụng. Hành vi nêu trên của H X H đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo H theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an xã hội. Ma túy là hiểm họa xã hội, làm sứt mòn đạo đức và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Bị cáo không có tiền án nhưng bị cáo có 01 tiền sự về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại thị trấn với thời hạn là 3 tháng.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo H có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải

về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo khi xem xét, quyết định hình phạt.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về hình phạt bổ sung: Bị cáo không nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện kinh tế để đảm bảo thi hành án nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Cần tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo H X H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo H X H 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 27/12/2020.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo H X H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

6. Về H dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND thành phố B;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Văn Trường

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh B;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường

